TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 10 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thanh Vy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Đức

Ông Cao Hoài Hiêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm, Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 530/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị T, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp L, xã G, huyện T, tỉnh Tây Ninh; (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn L, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp L, xã G, huyện T, tỉnh Tây Ninh; (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 7 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn L chung sống với nhau từ năm 1991 nhưng không tổ chức đám cưới và không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống tại nhà chồng tại ấp L, xã G, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi vã, gây gổ. Vợ chồng ly thân từ tháng 5/2019 đến

nay, không ai có thiện chí muốn hàn gắn. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Văn R, sinh ngày 17/7/1992 và Lê Thị C, sinh ngày 20/01/2000, hiện các con đã trưởng thành, tự lao động, sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/9/2019, anh Lê Văn L trình bày:Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và con chung là đúng. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Văn R, sinh ngày 17/7/1992 và Lê Thị C, sinh ngày 20/01/2000, hiện các con đã trưởng thành, tự lao động, sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, xác định thẩm quyền, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo đúng thành phần Hội đồng xét xử, phạm vi xét xử, trình tự thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Phan Thị T và anh Lê Văn L là vợ chồng; về con chung: Chị T, anh L có 02 con chung hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không xem xét giao người nuôi dưỡng; về tài sản chung, nợ chung: các đương sự trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Phan Thị T, anh Lê Văn L có đơn đề nghị vắng mặt, do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh L là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T và anh Lê Văn L trình bày thống nhất anh chị chung sống như vợ chồng từ năm 1991, không tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Việc chị T, anh L chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, căn cứ vào Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố "Không công nhận quan hệ vợ chồng" giữa chị Phan Thị T và anh Lê Văn L.

[3] Về con chung: Chị T, anh L trình bày anh, chị có 02 con chung là Lê Văn R, sinh ngày 17/7/1992 và Lê Thị C, sinh ngày 20/01/2000, hiện các con đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh L trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 264 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phan Thị T và anh Lê Văn L.

Về con chung: Chị T, anh L có 02 con chung là Lê Văn R, sinh ngày 17/7/1992 và Lê Thị C, sinh ngày 20/01/2000, hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh L trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số 0017418 ngày 02/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh; chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đương sự vắng

mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu: VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Võ Thanh Vy